

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/DS-ST
Ngày: 12/4/2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng
đặt cọc”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Kiều Phương**

2/ Ông **Phạm Thế Tụng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** - thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX-DS ngày 25/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST – DS ngày 25/3/2022, Thông báo về việc dời phiên tòa ngày 01/4/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 63/2022/QĐST-DS ngày 06/4/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số A Ô 1 Khu 2, thị trấn CG, huyện C, tỉnh TG.

* Bị đơn: 1/ Ông **Đặng Phước Đ**, sinh năm 1963;

2/ Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh TG.

* Người làm chứng:

1.1. Chị **Trần Thị Mỹ D** – sinh năm 2001;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh TG.

1.2. Ông **Trần Văn C** – sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh TG.

1.3. Chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1966;

Địa chỉ: số 3, Ô1, Khu 2, TT CG, huyện C, tỉnh TG.

Có mặt: chị P, ông Đ;

Chị L có đơn xin vắng mặt;

Người làm chứng chị D, ông C, chị T có đơn xin vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:***

Ngày 06/5/2021, tôi và ông Đặng Phước Đ có thỏa thuận mua bán đất, cụ thể như sau: Tôi nhận chuyển nhượng của bà L thửa đất số 453, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.805,6m² tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh TG do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh TG cấp cho bà Lê Thị L ngày 19/6/2020 với giá 1.250.000.000 đồng, bớt 5.000.000 đồng để làm giấy tờ. Ngày 06/5/2021 qua sự giới thiệu của chị D, ông C thì tôi và ông Đ có làm giấy đặt cọc để tiến đến ký kết hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ với tên gọi là “Giấy bán đất”. Thực chất “Giấy bán đất” này là “Giấy đặt cọc” chứ không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi làm giấy đặt cọc xong tôi có giao cho ông Đ 100.000.000 đồng và ông Đ đã nhận đủ 100.000.000 đồng.

Khi làm giấy đặt cọc thì không có mặt bà L. Trong “Giấy bán đất” thì tôi và ông Đ có thỏa thuận trên phần đất này phải có lối đi công cộng và hẹn đúng 01 tháng sau sẽ ra Văn phòng công chứng để ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tôi sẽ giao đủ tiền cho ông Đ.

Sau đó khoảng 15 ngày sau, tôi, chị D (cò đất), ông Đ có đến Ủy ban xã H để trích lục hồ sơ địa chính thì được biết trên phần đất này không có lối đi công cộng mà chỉ là lối đi chung mà các hộ dân đã bỏ ra để đi, đây không phải là lối đi công cộng. Phần đất tôi và ông Đ định chuyển nhượng nằm sâu phía trong nên phải đi qua phần đất của nhiều hộ dân xung quanh. Sau khi biết không có lối đi công cộng thì tôi mới nói ông Đ trên đất này không có lối đi công cộng nên yêu cầu ông Đ trả lại tôi 100.000.000 đồng và tôi không mua nữa. Nhưng ông Đ không đồng ý và ông Đ cho rằng trên phần đất này có lối đi mà chẳng qua là lối đi chung thôi. Nếu tôi không mua thì ông Đ sẽ bán cho người khác và không trả 100.000.000 đồng cho tôi. Khi làm giấy đặt cọc ngày 06/5/2021 thì có mặt tôi và ông Đ, không có mặt bà L và có sự chứng kiến của chị T, chị D và ông C. (Chị T là người quen của tôi còn chị D và ông C là cò đất).

Nay tôi không yêu cầu khởi kiện đối với chị L nữa mà tôi chỉ khởi kiện yêu cầu đối với ông Đặng Phước Đ.

Do đó, nay tôi khởi kiện yêu cầu ông Đặng Phước Đ trả cho tôi số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc 100.000.000 đồng. Tổng số tiền là 200.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Phước Đ trình bày:***

Ngày 06/5/2021, qua giới thiệu của chị D, ông C thì tôi và chị P có thỏa thuận đặt cọc để mua bán đất, cụ thể như sau: Thửa đất số 453, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.805,6m² tọa lạc tại ấp Hòa Thành, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do bà Lê Thị L đứng tên theo giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS22754 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Lê Thị L ngày 19/6/2020 với giá 1.250.000.000 đồng, tôi bớt cho chị P 5.000.000 đồng. Chị P đã đưa cho tôi 100.000.000 đồng tiền cọc, số tiền còn lại 1.150.000.000 đồng. Thực chất “Giấy bán đất” này là “Giấy đặt cọc” để làm niềm tin chứ không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Các bên thỏa thuận đúng 01 tháng sau sẽ qua phòng công chứng làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chị P sẽ trả đủ số tiền còn lại. “Giấy bán đất” do chị Trần Thị Mỹ D viết dùm tôi và chị P, trong giấy đặt cọc này, chúng tôi có thỏa thuận là có lối đi công cộng. Theo tôi được

biết thì trên phần đất này có lỗi đi nhưng là lỗi đi chung giữa các hộ dân, các hộ dân bỏ đất ra làm lỗi đi chứ không phải là không có lỗi đi như chị P trình bày.

Sau khi nhận 100.000.000 đồng từ chị P tôi có cho ông C 5.000.000 đồng. Số tiền 5.000.000 đồng này tôi cho ông C, tôi không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu gì.

“Giấy bán đất” ngày 06/5/2021 tuy tôi không trực tiếp viết ra nhưng tôi có đọc kỹ lại và trực tiếp ký tên Đặng Phước Đ. Tôi khẳng định trên đất này có lỗi đi nhưng đây là lỗi đi chung của các hộ dân.

Do chị P không chuyển nhượng đất nữa nên tôi đã chuyển nhượng phần đất trên cho người khác.

Giữa tôi và chị L không có mối quan hệ gì với nhau.

Trước đây thửa đất này là của tôi, sau đó tôi đã chuyển nhượng cho chị L vào năm 2020, chỉ mới khoảng được 01 năm, chị L nói với tôi không có thời gian canh tác nên có nhu cầu bán lại cho tôi. Sau đó tôi đã trả cho chị L số tiền 800.000.000 đồng. Tôi có nói với chị L, chờ sau khi tôi tìm được người mua miếng đất đó thì chị L sẽ là người trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng cho người đó mà không cần phải chuyển qua chuyển lại. Chị L không có liên quan gì số tiền mà chị P đã đặt cọc cho tôi. Tôi chính là người trực tiếp đặt cọc và thượng lượng với chị P

Do chị P cho rằng trên phần đất không có lỗi đi công cộng nên sau đó chị P điện thoại cho ông C (cò đất), yêu cầu tôi giảm giá chuyển nhượng, bớt 100.000.000 đồng nhưng tôi không đồng ý. Sau đó, khi hết thời gian 01 tháng kể từ khi làm giấy đặt cọc thì chị P không thực hiện việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không giao tiếp số tiền còn lại cho tôi nên tôi đã chuyển nhượng cho người khác. Nay đối với yêu cầu của chị P thì tôi không đồng ý. Tôi chỉ đồng ý trả lại cho chị P 50.000.000 đồng mà thôi.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị L trình bày:***

Thửa đất số 453, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.805,6m² tọa lạc tại ấp Hòa Thành, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang là do tôi đứng tên. Nguồn gốc của thửa đất này là do tôi mua của ông Đ vào năm 2020. Sau đó tôi không có thời gian canh tác nên tôi đã bán lại cho ông Đ thửa đất này với giá 1.000.000.000 đồng. Ông Đ đã đưa trước cho tôi 800.000.000 đồng, ông Đ hứa sau khi tìm người mua được đất thì sẽ trả tiếp số tiền 200.000.000 đồng.

Sau đó, tôi có nghe ông Đ nói rằng sẽ bán đất cho chị P, chị P đã đặt cọc cho ông Đ số tiền 100.000.000 đồng, và tôi sẽ là người trực tiếp làm thủ tục chuyển nhượng với chị P

Việc đặt cọc chuyển nhượng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.805,6m² tọa lạc tại ấp Hòa Thành, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giữa chị P và anh Đ tôi hoàn toàn không biết gì và cũng không chứng kiến.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, tôi không đồng ý. Nếu chị P có yêu cầu thì phải yêu cầu ông Đ, tôi không có liên quan gì. Do tôi bận công việc gia đình nên tôi xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án các cấp.

* Tại phiên tòa, chị P khẳng định Giấy bán đất ngày 06/5/2021 thực chất là Giấy đặt cọc, chị không tranh chấp gì về phần đất mà ông Đ đã bán cho người khác, chị chỉ tranh chấp số tiền đặt cọc và yêu cầu phạt cọc mà thôi, chị P thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu một mình ông Đ trả tiền cho chị chứ không yêu cầu chị L cùng liên đới trả, chị P yêu cầu ông Đ trả cho chị số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc 100.000.000 đồng, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa, bị đơn ông Đ vẫn giữ nguyên những lời trình bày trước đây. Ông khẳng định Giấy bán đất ngày 06/5/2021 thực chất là Giấy đặt cọc, ông Đ không đồng ý theo yêu cầu của chị P, ông chỉ đồng ý trả cho chị P 50.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 119; Điều 328 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đ trả số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và số tiền phạt cọc 100.000.000 đồng cho chị P. Tổng cộng số tiền mà ông Đ phải trả cho chị P là 200.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị P khởi kiện yêu cầu ông Đ trả cho chị số tiền đặt cọc và phạt cọc do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc” theo quy định tại Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông Đ có hộ khẩu thường trú tại: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh TG nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

Chị T, chị D, ông C là người làm chứng nhưng có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy chị T, chị D, ông C đã có lời khai nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Chị Lê Thị Như T – sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Tân Bình 2, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang là người hiện nay đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.805,6m² tọa lạc tại ấp Hòa Thành, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Lê Thị L ngày 19/6/2020, Hội đồng xét xử xét thấy chị P khởi kiện tranh chấp số tiền đặt cọc nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị Như T do đó không cần thiết phải đưa chị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 06/5/2021, chị P và ông Đ có thỏa thuận đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 453, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.805,6m² tọa lạc tại ấp Hòa Thành, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Lê Thị L ngày 19/6/2020 với giá chuyển nhượng 1.250.000.000 đồng, bớt 5.000.000 đồng để làm giấy tờ. Chị P đặt cọc 100.000.000 đồng và hẹn đúng 01 tháng sau sẽ ra Văn phòng công chứng để làm thủ tục ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong Giấy bán đất (thực chất giấy đặt cọc) ngày 06/5/2021 thì các bên thỏa thuận có lỗi đi công cộng vào thửa đất mà các bên chuyển nhượng. Tại thời điểm làm Giấy đặt cọc thì chị P chưa có đi xem xét thực tế thửa đất mình định chuyển nhượng do đó chị P đã tin vào lời nói của ông Đ là có lỗi đi công cộng dẫn vào thửa đất 453. Việc ông Đ thừa nhận có lỗi đi vào

thửa đất 453 nhưng đây là lỗi đi chung của các hộ dân chứ không phải là lỗi đi công cộng nhưng do ông Đ giải thích không rõ về lỗi đi dẫn vào thửa đất trên là lỗi đi chung hay là lỗi đi công cộng nên làm cho chị P hiểu nhầm là có lỗi đi công cộng. Ngoài ra, chị P và ông Đ đều thừa nhận thửa đất 453 này do bà Lê Thị L đứng tên nhưng lại đặt cọc để tiến đến ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vi phạm Điều 168 Luật đất đai năm 2013: “Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận”. Do đó, hợp đồng đặt cọc được ký kết giữa chị P và ông Đ bị vô hiệu ngay tại thời điểm ký kết do bị nhầm lẫn và vi phạm điều cấm của luật theo quy định tại Điều 131 và Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015. Hậu quả của việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, khôi phục lại tình trạng ban đầu, do đó, ông Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho chị P số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng.

Về yêu cầu phạt cọc: Xét yếu tố lỗi để dẫn đến hợp đồng đặt cọc vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy, cả chị P và ông Đ đều có lỗi dẫn đến hợp đồng đặt cọc bị vô hiệu, bởi lẽ: Một là, chị P và ông Đ đều biết chị Lê Thị L là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 453 nhưng vẫn cố tình ký kết hợp đồng đặt cọc. Hai là, ông Đ cho rằng có lỗi đi vào thửa đất 453 nhưng không giải thích rõ cho chị P biết đó là lỗi đi công cộng hay là lỗi đi chung của các hộ dân dẫn đến chị P hiểu nhầm đây là lỗi đi công cộng và đã ký hợp đồng đặt cọc, còn chị P là bên đặt cọc nhưng không đến nơi có đất tọa lạc để tìm hiểu là có lỗi đi vào thửa đất 453 hay không mà đã vội vàng ký kết hợp đồng đặt cọc. Theo tinh thần điểm d khoản 1 mục I của Nghị quyết 01/2003/NQ – HĐTP ngày 16 tháng 4 năm 2003 thì trong trường hợp cả hai cùng có lỗi thì không phạt cọc. Do đó, chị P yêu cầu ông Đ trả số tiền phạt cọc 100.000.000 đồng là không có căn cứ và không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa ngày 6/4/2022 người làm chứng chị Nguyễn Thị T có trình bày rằng số tiền 100.000.000 đồng là tiền của chị và chị P cùng hùn vào để đặt cọc cho ông Đ, tuy nhiên, chị đồng ý để cho chị P khởi kiện ông Đ, chị không có ý kiến gì trong vụ án này, nếu chị và chị P có tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Chị yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mà chỉ tham gia với tư cách người làm chứng, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải đưa chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1966; địa chỉ: số 377, Ô1, Khu 2, TT Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà chỉ đưa chị T tham gia với tư cách là người làm chứng, nếu chị T và chị P có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những phân tích trên, chị P yêu cầu ông Đ trả số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn đối với yêu cầu ông Đ trả số tiền phạt cọc 100.000.000 là không có căn cứ và không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị P và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị P đã tạm ứng 1.000.000 đồng tiền thu thập tài liệu chứng cứ. Chị P tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với một phần nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Đối với việc chị P thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ khởi kiện một mình ông Đ trả cho tiền cho chị, đây là thay đổi

yêu cầu khởi kiện chứ không phải rút yêu cầu khởi kiện nên không cần thiết phải đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc chị L liên đới với ông Đ trả tiền cho chị P

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm d khoản 1 mục I của Nghị quyết 01/2003/NQ – HĐTP ngày 16 tháng 4 năm 2003;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P

Buộc ông Đặng Phước Đ trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đặng Phước Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông Đặng Phước Đ trả số tiền phạt cọc 100.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị P phải chịu 5.000.0000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005063 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, xem như chị P đã thực hiện xong phần án phí.

Ông Đặng Phước Đ phải chịu 5.000.0000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

